

Đối với các phường trên địa bàn quận: Tăng cường tuyên truyền, truyền thông, nâng cao nhận thức của người dân về sàng lọc bệnh THA; TYT các phường cần chủ động phối hợp chặt chẽ với bệnh viện quận và TTYT quận trong khám, tập huấn điều trị và chuyển tuyến với những trường hợp có nguy cơ tim mạch cao; UBND các phường cần phối hợp, tăng cường hỗ trợ thực hiện công tác khám sàng lọc THA.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Chen S, Sudharsanan N, Huang F, et al.** Impact of community based screening for

hypertension on blood pressure after two years: Regression discontinuity analysis in a national cohort of older adults in China. *BMJ*. 2019;366: l40641-140649.

2. **Ủy ban Nhân dân Quận Gò Vấp.** Báo cáo 320 năm Quận Gò Vấp - Thành phố Hồ Chí Minh (1698-2018). 2018.
3. **Thủ tướng Chính phủ.** Quyết định số 1208/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 04 tháng 9 năm 2012 về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Y tế giai đoạn 2012-2015. Hà Nội. 2012.
4. **Bệnh viện Bạch Mai.** Viện Tim mạch Việt Nam. Hướng dẫn quy trình sàng lọc tăng huyết áp. Hà Nội. 2016.

THỰC TRẠNG SỨC KHỎE TINH THẦN CỦA NHÂN VIÊN Y TẾ THAM GIA PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19 TẠI BỆNH VIỆN BỆNH NHIỆT ĐỚI TRUNG ƯƠNG

Lê Thị Quỳnh Hương¹, Nguyễn Hoàng Thanh², Trần Nguyễn Ngọc², Thân Mạnh Hùng¹, Bùi Văn Sơn², Đoàn Quốc Hưng²

TÓM TẮT

Đại dịch COVID-19 là bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ảnh hưởng lớn đến sức khỏe và tâm lý của tất cả mọi người, đặc biệt là các nhân viên y tế ở tuyến đầu chống dịch. Bệnh luôn có nguy cơ bùng phát thành đại dịch. Mục tiêu của nghiên cứu là xác định tỷ lệ lo âu, căng thẳng và trầm cảm của nhân viên y tế tham gia phòng chống dịch COVID-19 tại Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Trung ương năm 2021. Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 112 NVYT tham gia công tác phòng chống dịch COVID-19 tại Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Trung ương vào tháng 10 năm 2021. Kết quả cho thấy 28,6% đối tượng tham gia nghiên cứu bị căng thẳng; 16,1% bị căng thẳng và 25% NVYT có biểu hiện của trầm cảm. Tuổi, thâm niên công tác, lĩnh vực công tác là các yếu tố liên quan đến sức khỏe tinh thần của NVYT tham gia phòng/chống dịch COVID-19. NVYT có tuổi dưới 35 có nguy cơ bị triệu chứng tâm lý lo âu cao hơn nhóm NVYT có tuổi lớn hơn 35. Nguy cơ bị mắc lo âu ở những người trên 35 tuổi chỉ bằng 0,23 lần những người dưới 35 tuổi (OR = 0,23 (95%CI = 0,07 – 0,64; p < 0,05). NVYT có số năm trong nghề dưới 10 năm có khả năng bị triệu chứng tâm lý căng thẳng cao hơn so với NVYT có số năm trong nghề trên 10 năm (OR = 8,13 (95%CI = 1,14 – 72,04; p < 0,05). NVYT làm việc trong lĩnh vực không phải lâm sàng có khả năng bị trầm cảm thấp hơn so với nhóm làm việc trong lĩnh vực lâm sàng (OR = 0,14 (95%CI = 0,02 –

0,56; p < 0,05). **Từ khóa:** COVID-19, NVYT tham gia phòng chống dịch, Sức khỏe tinh thần, DASS21

SUMMARY

MENTAL HEALTH OF MEDICAL STAFF HEALTH WORKER WHO PARTICIPATED PREVENTION/CONTROL IN COVID-19 EPIDEMIC

The COVID-19 pandemic is a dangerous infectious disease that greatly affects the health and psychology of everyone, especially medical staff on the front lines of the epidemic. The disease is always at risk of breaking out into a pandemic. The objective of the study is to determine the prevalence of anxiety, stress and depression among medical workers who participated prevention/control COVID-19 epidemic at the National Hospital of Tropical Diseases in 2021. Cross-sectional descriptive study on 112 participants. Health workers participating in prevention/control COVID-19 epidemic at the Central Tropical Diseases Hospital in October 2021. Results showed that 28.6% of study participants were anxiety; 16.1% were stressed and 25% of health workers showed signs of depression. Age, seniority, and field of work are factors related to the mental health of health workers participating in COVID-19 prevention/control. Healthcare workers under the age of 35 have a higher risk of experiencing psychological symptoms of anxiety than healthcare workers over the age of 35. The risk of anxiety in people over 35 years old is only 0.23 times that of people under 35 years old (OR = 0.23 (95%CI = 0.07 – 0.64; p < 0.05). Health care workers with fewer than 10 years in the profession are more likely to suffer from psychological stress symptoms than health care workers with less than 10 years in the profession. years in the profession over 10 years (OR = 8.13 (95%CI = 1.14 – 72.04; p < 0.05). Health workers working in non-clinical fields have a lower

¹Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương

²Trường Đại học Y Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Hoàng Thanh

Email: nguyenhoangthanh@hmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 19.9.2023

Ngày phản biện khoa học: 10.11.2023

Ngày duyệt bài: 30.11.2023

likelihood of depression compared to the group working in the clinical field (OR = 0.14 (95%CI = 0.02 – 0.56; p < 0.05). **Keywords:** COVID-19, Health worker, Mental Health, DASS21

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

COVID-19 là bệnh truyền nhiễm nguy hiểm gây đại dịch trên toàn cầu [1]. Tính đến tháng 5/2022, trên thế giới có trên 500 triệu trường hợp công bố mắc COVID-19 và trên 6,2 triệu người đã tử vong vì bệnh này [2]. Với diễn biến phức tạp, số lượng bệnh nhân tăng nhanh cùng với sự lây lan khó kiểm soát trong cộng đồng, COVID-19 đã trở thành mối quan tâm hàng đầu cho toàn xã hội, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng và tạo áp lực lớn lên hệ thống y tế nhiều quốc gia trên thế giới [3]. Trong đó phải kể đến nhân viên y tế (NVYT), đặc biệt là tuyến đầu phòng chống dịch, là nguồn lực chính, đóng vai trò vô cùng quan trọng nhưng phải đối mặt với nguy cơ lây nhiễm bệnh cao hơn so với cộng đồng [4]. Bên cạnh đó, thời gian lao động dài, khối lượng công việc nhiều, môi trường làm việc thiếu an toàn cùng trang bị bảo hộ ngột ngạt, đa số NVYT đã than phiền về tình trạng lo âu, căng thẳng, mất ngủ [5]. Nghiên cứu của Holly Blake và cộng sự còn chỉ ra rằng từ khi đại dịch COVID-19 bùng phát tại Vương quốc Anh, đa số các NVYT thường xuyên phải sử dụng các dịch vụ hỗ trợ về sức khỏe tinh thần [6].

Tại Việt Nam, đã có hơn 10 triệu trường hợp nhiễm bệnh và trên 43 nghìn trường hợp tử vong [2]. Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Trung ương là cơ sở cuối cùng trong điều trị các ca bệnh COVID-19, tiếp nhận điều trị bệnh nhân nặng, nguy kịch từ các tỉnh miền Bắc. Do đó, cũng như các NVYT tuyến đầu tại hầu hết các quốc gia trên thế giới, họ phải chịu nhiều ảnh hưởng do dịch COVID-19 gây ra, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến sức khỏe tinh thần. Cùng với đó sự gia tăng của các bệnh truyền nhiễm mới như: Cúm khi, tay chân miệng, cúm gia cầm, Ebolavirus, Zikavirus và cùng với COVID-19 gây gia tăng áp lực cho NVYT. Việc tìm ra các yếu tố liên quan đến tình trạng lo âu, căng thẳng, trầm cảm của NVYT sẽ giúp họ cải thiện chất lượng cuộc sống cũng như có những biện pháp hỗ trợ để NVYT giảm lo âu, căng thẳng, trầm cảm khi phải tham gia chống dịch trong tương lai khi càng ngày càng có nhiều dịch bệnh mới, lạ và nguy hiểm. Do đó chúng tôi tiến hành nghiên cứu với các mục tiêu là xác định tỷ lệ lo âu, căng thẳng và trầm cảm của nhân viên y tế tham gia phòng chống dịch COVID-19 tại Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Trung ương năm 2021 và các yếu tố liên quan đến

nhóm nghiên cứu nêu trên.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: NVYT tham gia công tác phòng/chống bệnh viêm đường hô hấp cấp (COVID-19) tại Bệnh viện Nhiệt đới Trung ương cơ sở Kim Chung.

2.2. Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang, tiến hành từ tháng 09/2020 đến tháng 09/2021.

2.3. Cỡ mẫu và chọn mẫu: Những NVYT đồng ý tham gia nghiên cứu và hoàn thành phiếu được lựa chọn vào nhóm nghiên cứu. Thực tế nhóm đã thu thập được 112 phiếu điều tra của các NVYT.

2.4. Biến số và chỉ số: Biến số thông tin chung của đối tượng nghiên cứu gồm: giới tính, nhóm tuổi, tình trạng hôn nhân, nghề nghiệp, trình độ học vấn, thâm niên công tác, thời gian tham gia phòng/chống dịch, chuyên ngành làm việc; Các biến số về sức khỏe tinh thần của NVYT: sử dụng Thang đo trắc nghiệm tâm lý DASS 21 để đánh giá. Dựa vào tổng điểm, phân loại theo thang đo chia ra thành 2 mức: Bình thường và có triệu chứng. Cụ thể, tổng điểm Lo âu > 7 là có triệu chứng tâm lý lo âu. Tổng điểm Trầm cảm > 10 là có triệu chứng tâm lý trầm cảm. Tổng điểm Căng thẳng > 14 là có triệu chứng tâm lý căng thẳng.

2.3. Phương pháp thu thập số liệu: Nhóm nghiên cứu gửi phiếu điều tra online (do giãn cách xã hội) bằng phần mềm Kotobook cho tất cả NVYT bao gồm bác sỹ, điều dưỡng viên, nhân viên chăm sóc, phục vụ tại bệnh viện tham gia nghiên cứu. Nhóm nghiên cứu sẽ có một nghiên cứu viên thường trực để tập huấn trực tuyến về bộ câu hỏi và mục tiêu nghiên cứu.

2.4. Công cụ thu thập số liệu: Bộ công cụ được phát triển bởi nhóm nghiên cứu gồm: Phần I: Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu; Phần II: Thang đánh giá Lo âu, Căng thẳng và Trầm cảm của NVYT.

2.5. Quản lý và xử lý số liệu: Số liệu sau khi thu thập được làm sạch và mã hóa. Phần mềm thống kê Stata 14.0 được sử dụng để phân tích. Phương trình hồi quy tuyến tính được dùng để xác định các yếu tố liên quan đến Sức khỏe tinh thần của NVYT.

2.6. Đạo đức trong nghiên cứu: Nghiên cứu tuân thủ các hướng dẫn về đạo đức trong nghiên cứu y học. Các thông tin thu thập được mã hóa và chỉ dùng cho mục đích nghiên cứu. Nghiên cứu được Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội thông qua

(Số CS2021-01/GCN-HĐĐNCYS-ĐHYHN) và được sự đồng ý của lãnh đạo các bệnh viện tham gia nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu trên 112 NVYT tham gia vào công tác Phòng/Chống dịch bệnh COVID-19 tại Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới cơ sở Kim Chung. Theo đó, chủ yếu là nữ (67.9%). Độ tuổi trung bình của đối tượng nghiên cứu là 35.6 ± 7.26 tuổi. Gần 1/3 NVYT tham gia nghiên cứu trong nhóm tuổi từ 35 tuổi trở lên (36.6%), còn lại là nhóm tuổi dưới 35 với tỷ lệ là 63.4%. Về công việc, hơn một nửa số NVYT trong nghiên cứu là điều dưỡng (57.1%). Các NVYT làm trong lĩnh vực lâm sàng (73.2%) cao gấp gần 3 lần so với nhóm không làm lâm sàng (26.8%). Năm công tác trung bình là 8.74 ± 6.09 năm. Đa phần NVYT có số năm công tác từ 1 - 10 năm, chiếm tỷ lệ 61.6%. Đa số đối tượng nghiên cứu có sử dụng rượu (59.8%) và không hút thuốc lá (85.7%).

3.2. Sức khỏe tinh thần nhân viên y tế

Bảng 3.2. Mô hình Logistic phân tích các yếu tố liên quan đến triệu chứng tâm lý lo âu

Yếu tố liên quan	Mô hình đơn biến			Mô hình đa biến		
	cOR	95%CI	p-value	aOR	95%CI	p-value
Tuổi						
<= 35 tuổi	1	-	-	1	-	-
> 35 tuổi	0,3	0,10 – 0,76	0,016	0,23	0,07 – 0,64	0,007
Hút thuốc lá						
Có	1	-	-	1	-	-
Không	0,33	0,11 – 1,00	0,047	0,22	0,06 – 0,81	0,024
Trang bị chống dịch COVID-19						
Chuẩn bị chưa tốt	1	-	-	1	-	-
Chuẩn bị tốt	0,35	0,14 – 0,89	0,027	0,37	0,13 – 1,04	0,06
Nguy cơ mắc COVID-19						
Nguy cơ thấp/vừa	1	-	-	1	-	-
Nguy cơ cao/đã nhiễm	2,72	1,18 – 6,57	0,022	3,87	1,52 – 10,69	0,006

Nhận xét: Kết quả mô hình đa biến trong bảng 3.2 chỉ ra tuổi, tiền sử hút thuốc lá và nguy cơ mắc COVID-19 là các yếu tố liên quan đến triệu chứng tâm lý lo âu ở NVYT trong nghiên cứu. Cụ thể, NVYT có tuổi dưới 35 có khả năng bị triệu chứng tâm lý lo âu cao hơn nhóm NVYT có tuổi lớn hơn 35 ($p < 0,05$). NVYT có tiền sử

tham gia phòng/chống dịch bệnh COVID-19.

Bảng 3.1. Thực trạng sức khỏe tinh thần của NVYT

Triệu chứng tâm lý	Tổng (n=112)	
	Tần số	Tỷ lệ (%)
Lo âu		
Bình thường	80	71,4
Có triệu chứng	32	28,6
Căng thẳng		
Bình thường	94	83,9
Có triệu chứng	18	16,1
Trầm cảm		
Bình thường	84	75,0
Có triệu chứng	28	25,0

Nhận xét: Kết quả bảng 3.1 cho thấy số lượng NVYT có triệu chứng tâm lý lo âu chiếm tỷ lệ cao nhất trong 3 triệu chứng. Cụ thể, có 28,6% NVYT có triệu chứng lo âu, 25% có triệu chứng trầm cảm và 16,1% có triệu chứng căng thẳng.

3.3. Các yếu tố liên quan đến triệu chứng tâm lý của NVYT tham gia phòng/chống dịch bệnh COVID-19

hút thuốc lá có khả năng bị triệu chứng tâm lý lo âu cao hơn nhóm không hút thuốc lá ($p < 0,05$). NVYT có nguy cơ mắc COVID-19 thấp hay vừa có khả năng bị triệu chứng lo âu thấp hơn nhóm NVYT có nguy cơ mắc COVID-19 cao hay đã bị mắc ($p < 0,05$).

Bảng 3.3. Mô hình Logistic phân tích các yếu tố liên quan đến triệu chứng tâm lý căng thẳng

Yếu tố liên quan	Mô hình đơn biến			Mô hình đa biến		
	cOR	95%CI	p-value	aOR	95%CI	p-value
Tuổi						
<= 35 tuổi	1	-	-	1	-	-
> 35 tuổi	0,29	0,07 – 0,97	0,07	0,13	0,02 – 0,82	0,038
Giới tính						
Nam	1	-	-	1	-	-

Nữ	0,4	0,14 – 1,14	0,08	0,33	0,10 – 1,07	0,07
Công việc						
Bác sĩ	1	-	-	1	-	-
Điều dưỡng	0,49	0,17 – 1,45	0,19	0,43	0,13 – 1,49	0,18
KTV/ Hộ lý/ Khác	0,2	0,01 – 1,25	0,15	0,14	0,01 – 1,00	0,09
Số năm trong nghề						
< 10 năm	1	-	-	1	-	-
>= 10 năm	0,77	0,25 – 2,17	0,63	8,13	1,14 – 72,04	0,042

Nhận xét: Kết quả mô hình đa biến trong bảng 3.3 chỉ ra tuổi và số năm trong nghề là các yếu tố liên quan đến triệu chứng tâm lý căng thẳng. Cụ thể, NVYT có tuổi nhỏ hơn 35 tuổi có khả năng bị triệu chứng tâm lý căng thẳng cao hơn nhóm trên 35 tuổi ($p < 0,05$). NVYT có số năm trong nghề dưới 10 năm có khả năng bị triệu chứng tâm lý căng thẳng thấp hơn so với NVYT có số năm trong nghề trên 10 năm ($p < 0,05$).

Bảng 3.4. Mô hình Logistic phân tích các yếu tố liên quan đến triệu chứng tâm lý trầm cảm

Yếu tố liên quan	Mô hình đơn biến			Mô hình đa biến		
	cOR	95%CI	p-value	aOR	95%CI	p-value
Tuổi						
<= 35 tuổi	1	-	-	1	-	-
> 35 tuổi	0,49	0,18 – 1,23	0,15	0,27	0,04 – 1,46	0,16
Giới tính						
Nam	1	-	-	1	-	-
Nữ	0,53	0,22 – 1,31	0,16	0,36	0,12 – 1,05	0,06
Lĩnh vực						
Lâm sàng	1	-	-	1	-	-
Không phải lâm sàng	0,25	0,06 – 0,80	0,036	0,14	0,02 – 0,56	0,013
Số năm trong nghề						
< 10 năm	1	-	-	1	-	-
>= 10 năm	1,05	0,43 – 2,51	0,91	14,13	1,76 – 177,95	0,024
Số năm tại chức						
< 10 năm	1	-	-	1	-	-
>= 10 năm	0,3	0,08 – 0,87	0,04	0,05	0,01 – 0,36	0,004
Thời gian chống dịch COVID-19						
<= 12 tuần	1	-	-	1	-	-
> 12 tuần	0,39	0,15 – 1,03	0,06	0,36	0,11 – 1,15	0,08
Trang bị chống dịch COVID-19						
Chuẩn bị chưa tốt	1	-	-	1	-	-
Chuẩn bị tốt	0,27	0,10 – 0,69	0,006	0,34	0,11 – 1,06	0,06

Nhận xét: Kết quả mô hình đa biến trong bảng 3.4 chỉ ra lĩnh vực làm việc, số năm trong nghề là các yếu tố liên quan đến triệu chứng tâm lý trầm cảm ở NVYT trong nghiên cứu. NVYT làm việc trong lĩnh vực lâm sàng có khả năng bị trầm cảm cao hơn so với nhóm làm việc trong lĩnh vực không phải lâm sàng ($p < 0,05$). NVYT có số năm trong nghề thấp hơn 10 năm có khả năng bị trầm cảm thấp hơn so với nhóm NVYT có số năm trong nghề lớn hơn 10 năm ($p < 0,05$). Đối tượng có số năm tại chức thấp hơn 10 năm có khả năng bị trầm cảm thấp hơn so với nhóm NVYT có số năm tại chức lớn hơn 10 năm ($p < 0,05$).

đáng chú ý về tỷ lệ triệu chứng tâm lý căng thẳng trong 3 triệu chứng được nghiên cứu. Kết quả cho thấy rằng triệu chứng căng thẳng có tỷ lệ cao nhất, đạt 30,4% trong số đối tượng tham gia nghiên cứu. Một số liệu đáng chú ý khác cũng được trình bày, cho thấy tỷ lệ triệu chứng lo âu xếp thứ hai với 28,6%, trong khi tỷ lệ triệu chứng trầm cảm thấp nhất, chỉ đạt 25%. Kết quả này có sự khác biệt với kết quả của tác giả Chotiman Chinvararak và cộng sự (2022) khi tiến hành nghiên cứu cắt ngang với mục tiêu nhằm đo lường mức độ phổ biến của hội chứng kiệt sức, lo lắng, trầm cảm và rối loạn sau chấn thương, cũng như kiểm tra các yếu tố liên quan giữa các nhân viên y tế Thái Lan trong đợt bùng phát COVID-19 [7]. Tác giả đã đo lường sức khỏe tâm thần của

IV. BÀN LUẬN

4.1. Thực trạng triệu chứng tâm lý.

Nghiên cứu của chúng tôi đã đưa ra kết quả

986 NVYT Thái Lan và chỉ ra tỷ lệ lo âu ở NVYT là 33.1% và tỷ lệ trầm cảm là 13.8%.

4.2. Các yếu tố liên quan đến triệu chứng tâm lý. Kết quả từ mô hình đa biến mang đến những thông tin quan trọng về các yếu tố liên quan đến triệu chứng tâm lý trầm cảm ở NVYT trong nghiên cứu. Các yếu tố này bao gồm lĩnh vực làm việc, số năm trong nghề và số năm tại chức.

Kết quả trong nghiên cứu của chúng tôi cho thấy rằng NVYT làm việc trong lĩnh vực lâm sàng có khả năng bị trầm cảm cao hơn so với nhóm NVYT làm việc trong lĩnh vực không phải lâm sàng ($p < 0,05$). Điều này cho thấy tác động tiềm năng của môi trường làm việc trong lĩnh vực lâm sàng đến tình trạng tâm lý trầm cảm ở NVYT. Ngoài ra, kết quả cũng chỉ ra rằng NVYT có số năm trong nghề thấp hơn 10 năm có khả năng bị trầm cảm thấp hơn so với nhóm NVYT có số năm trong nghề lớn hơn 10 năm ($p < 0,05$). Ngoài ra, kết quả cũng cho thấy rằng đối tượng có số năm tại chức thấp hơn 10 năm có khả năng bị trầm cảm thấp hơn so với nhóm NVYT có số năm tại chức lớn hơn 10 năm ($p < 0,05$). Kết quả này có nét tương đồng với kết quả trong Tác giả Violeta Briciu và cộng sự (2023), khi tiến hành 114 người ở Roman [8]. Tác giả đã chỉ ra những người có số năm kinh nghiệm làm việc cao có nguy cơ bị tỷ lệ kiệt sức và trầm cảm thấp hơn so với nhân viên có ít kinh nghiệm chuyên môn. Điều này cho thấy có sự tương quan giữa thời gian làm việc trong ngành và mức độ trầm cảm ở NVYT. Có thể hiểu rằng NVYT mới gia nhập ngành có khả năng chịu áp lực tâm lý trầm cảm ít hơn so với những NVYT đã có kinh nghiệm lâu năm.

Kết quả từ nghiên cứu của chúng tôi cung cấp thông tin quan trọng về mối quan hệ giữa tuổi, tiền sử hút thuốc lá và nguy cơ mắc COVID-19 với triệu chứng tâm lý lo âu ở NVYT. Các yếu tố này cho thấy tác động đáng kể đến mức độ triệu chứng tâm lý lo âu của nhân viên y tế. Kết quả cho thấy rằng NVYT có tuổi dưới 35 có khả năng bị triệu chứng tâm lý lo âu cao hơn so với nhóm NVYT có tuổi lớn hơn 35, với mức ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Trong nghiên cứu của tác giả Prerna Varma và cộng sự (2021), khi tiến hành nghiên cứu cắt ngang 1653 người ở trên 63 nước, đã chỉ ra trong đại dịch COVID-19, người trẻ có xu hướng bị các vấn đề lo âu cao hơn người lớn tuổi. Điều này cho thấy mối quan hệ giữa độ tuổi và triệu chứng tâm lý lo âu ở NVYT, với những người trẻ hơn có khả năng cao hơn bị lo âu. Có thể có những yếu tố như áp lực công

việc, trách nhiệm gia đình hoặc tác động của các sự kiện cuộc sống đóng vai trò trong mối quan hệ này[9]. Cụ thể, nghiên cứu chỉ ra NVYT, những người có sử dụng thuốc lá trong thời gian phong tỏa vì COVID-19 cho biết họ cảm thấy buồn bã, lo âu hơn ($OR = 1,23, p < 0,001$) và mất động lực hơn ($OR = 0,86, p < 0,05$) so với những người không hút thuốc. Điều này cho thấy tác động tiêu cực của hút thuốc lá đến tình trạng tâm lý lo âu ở NVYT. Hút thuốc lá có thể tăng nguy cơ mắc các vấn đề sức khỏe tâm lý và tạo ra một tình trạng căng thẳng và lo âu liên quan đến việc bỏ thuốc hoặc ảnh hưởng đến quyết định chăm sóc bản thân.

V. KẾT LUẬN

Nhân viên y tế tham gia phòng chống dịch bệnh đang chịu ảnh hưởng lớn đến sức khỏe tinh thần. 28,6% đối tượng tham gia nghiên cứu bị căng thẳng; tỷ lệ căng thẳng trong nghiên cứu là 16,1%; Tỷ lệ trầm cảm của NVYT trong nghiên cứu là 25%. Tuổi, thâm niên công tác, lĩnh vực công tác là các yếu tố liên quan đến sức khỏe của NVYT tham gia phòng/chống dịch COVID-19. NVYT có tuổi dưới 35 có nguy cơ bị triệu chứng tâm lý lo âu cao hơn nhóm NVYT có tuổi lớn hơn 35. Nguy cơ bị mắc lo âu ở những người trên 35 tuổi chỉ bằng 0,23 lần những người dưới 35 tuổi ($OR = 0,23$ (95%CI = 0,07 – 0,64; $p < 0,05$). NVYT có số năm trong nghề dưới 10 năm có khả năng bị triệu chứng tâm lý căng thẳng cao hơn so với NVYT có số năm trong nghề trên 10 năm ($OR = 8,13$ (95%CI = 1,14 – 72,04; $p < 0,05$). NVYT làm việc trong lĩnh vực không phải lâm sàng có khả năng bị trầm cảm thấp hơn so với nhóm làm việc trong lĩnh vực lâm sàng ($OR = 0,14$ (95%CI = 0,02 – 0,56; $p < 0,05$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Iba T, Warkentin TE, Thachil J, Levi M, Levy JH.** Proposal of the Definition for COVID-19-Associated Coagulopathy. *Journal of Clinical Medicine.* 2021; 10(2):191. doi: 10.3390/jcm10020191
2. **WHO.** Coronavirus disease (COVID-19) pandemic. Accessed June 24, 2023. <https://www.who.int/europe/emergencies/situations/covid-19>
3. **Tessema GA, Kinfu Y, Dachew BA, et al.** The COVID-19 pandemic and healthcare systems in Africa: a scoping review of preparedness, impact and response. *BMJ Global Health.* 2021; 6(12):e007179. doi:10.1136/bmjgh-2021-007179
4. **Nguyen LH, Drew DA, Graham MS, et al.** Risk of COVID-19 among front-line health-care workers and the general community: a prospective cohort study. *The Lancet Public Health.* 2020;5(9):e475-e483. doi:10.1016/S2468-2667(20)30164-X
5. **Teo I, Chay J, Cheung YB, et al.** Healthcare

- worker stress, anxiety and burnout during the COVID-19 pandemic in Singapore: A 6-month multi-centre prospective study. *PLoS One*. 2021;16(10): e0258866. doi:10.1371/ journal. pone.0258866
6. **Blake H, Bermingham F, Johnson G, Tabner A.** Mitigating the Psychological Impact of COVID-19 on Healthcare Workers: A Digital Learning Package. *Int J Environ Res Public Health*. 2020;17(9):2997. doi:10.3390/ijerph17092997
 7. **Chinvararak C, Kerdcharoen N, Pruttithavorn W, et al.** Mental health among healthcare workers during COVID-19 pandemic in Thailand. *PLOS ONE*. 2022;17(5):e0268704. doi:10.1371/journal.pone.0268704
 8. **Briciu V, Leucuta DC, Tókés GE, Colcear D.** Burnout, Depression, and Job Stress Factors in Healthcare Workers of a Romanian COVID-19 Dedicated Hospital, after Two Pandemic Years. *Int J Environ Res Public Health*. 2023;20(5):4118. doi:10.3390/ijerph20054118
 9. **Mounir I, Menvielle L, Perlaza S, et al.** Psychological Distress and Tobacco Use Among Hospital Workers During COVID-19. *Frontiers in Psychiatry*. 2021;12. Accessed June 25, 2023. <https://www.frontiersin.org/articles/10.3389/fpsy.2021.701810>

KẾT QUẢ KIỂM SOÁT SARS-COV-2 CỦA NƯỚC SÚC MIỆNG CHỨA POVIDONE-IODINE: TỔNG QUAN HỆ THỐNG

Vũ Mạnh Tuấn¹, Phan Quân¹, Vương Trọng Thanh Ba¹,
Dương Đức Long¹, Nguyễn Bảo Long², Nguyễn Đức Hoàng¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: tổng quan về kết quả kiểm soát SARS-CoV-2 của nước súc miệng chứa povidone-iodine (PVP-I) trong giai đoạn 2019-2023. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu thực hiện tìm kiếm những bài báo trên cơ sở dữ liệu Pubmed, ScienceDirect từ tháng 1/2019 - tháng 5/2023. Dữ liệu thu thập mỗi bài báo gồm: tác giả, năm xuất bản, quốc gia, cỡ mẫu, thời gian theo dõi, can thiệp, kết quả. Chất lượng của các bài báo được chấm điểm theo thang RoBA. **Kết quả:** trong số 137 bài báo, 10 bài báo đủ tiêu chuẩn đưa vào nghiên cứu. 7 nghiên cứu cho thấy kết quả tích cực, súc miệng với PVP-I với nồng độ 0,5% và 1% trong thời gian 30 giây và 60 giây giúp giảm tải lượng SARS-CoV-2. Nồng độ, thời gian súc miệng với PVP-I và thời điểm có hiệu quả giảm tải lượng virus lần lượt là 0,5% và 30 giây tại thời điểm 6 giờ, 0,5% và 60 giây tại thời điểm 45 phút, 1% và 60 giây tại thời điểm 45 phút và 60 phút. **Kết luận:** Súc miệng với PVP-I nồng độ 0,5% và 1% trong thời gian 30 giây và 60 giây có hiệu quả giảm tải lượng SARS-CoV-2 trong nước bọt tại các thời điểm 45 phút, 60 phút và 6 giờ. Thiếu các nghiên cứu bằng chứng về khả năng diệt virus của các dung dịch chứa PVP-I.

Từ khoá: SARS-CoV-2, COVID-19, povidone-iodine, tải lượng virus, nước bọt.

SUMMARY

EFFICACY OF POVIDONE-IODINE MOUTHWASH AGAINST SARS-COV-2: SYSTEMATIC REVIEW

Objectives: to overview the results of SARS-CoV-

2 which can be controlled by some mouthwash products containing povidone-iodine (PVP-I) in the period 2019-2023. **Subjects and methods:** The study collected all articles on some databases such as: Pubmed, ScienceDirect from January 2019 to May 2023. We extracted the data of author, year of publication, country, sample size, follow-up time, intervention, results in the included studies. We assessed the quality of the articles by using the RoBA scale. **Results:** From 137 articles, ten articles were selected which met the criteria for inclusion. There are seven studies that showed positive results as using PVP-I can help reduce the load of SARS-CoV-2. Concentration, mouthwash time with PVP-I and time of viral load reduction were 0.5% and 30 seconds at 6 hours, 0.5% and 60 seconds at 45 minutes, 1% and 60 seconds at 45 minutes and 60 minutes. **Conclusion:** Mouthwash containing PVP-I concentrations of 0.5% and 1% for 30 seconds and 60 seconds can be effective in reducing SARS-CoV-2 load in saliva reduced the SARS-CoV-2 load in saliva at 45 minutes, 60 minutes and 6 hours. There is a lack of research evidence on the antiviral ability of solutions containing PVP-I. **Keywords:** SARS-CoV-2, COVID-19, povidone-iodine, viral load, saliva.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ tháng 12 năm 2019, một chủng virus corona mới (SARS-CoV-2) đã được xác định là căn nguyên gây dịch Viêm đường hô hấp cấp tính (COVID-19) tại thành phố Vũ Hán (tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc), sau đó lan rộng ra toàn thế giới gây đại dịch toàn cầu. Mặc dù dữ liệu dịch tễ học ở thời điểm hiện tại ít đáng báo động hơn về cả xu hướng nhập viện và tử vong, nhưng gần 3 năm sau khi bắt đầu đại dịch, tác động của nó vẫn còn đáng kể trên toàn thế giới, đạt hơn 634 triệu trường hợp mắc được chẩn đoán và hơn 6,6 triệu ca tử vong, virus cũng đột biến tạo ra nhiều biến thể khác nhau. Với những số liệu này,

¹Trường Đại học Y Hà Nội

²Trường Đại học Đông Đô

Chịu trách nhiệm chính: Phan Quân

Email: phan.quan.rhm@gmail.com

Ngày nhận bài: 20.9.2023

Ngày phản biện khoa học: 14.11.2023

Ngày duyệt bài: 01.12.2023